

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Phúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Thu Trà

2. Bà Nguyễn Thị Phụng Quyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: đường R, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phước Hồng H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/3/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

Bà và ông Lê Phước Hồng H tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 123 quyền số 01 ngày 25/11/2009 do UBND Phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân do bà và ba mẹ chồng thường

có những chuyện mâu thuẫn nhỏ, ba mẹ chồng thường chửi mắng, xúc phạm và đánh bà, nhưng ông H không có thái độ gì để bên vợ mà đứng về phía ba mẹ chồng, do cảm thấy sống không có hạnh phúc, bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sống hơn 01 năm nay. Bà xác định đã hết tình cảm với ông H, không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân, nguyện vọng xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Phước Phạm N, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Ngân T, sinh ngày 11/01/2015. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngân T đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Lê Phước Hồng H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà D về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa bà D và ba mẹ ông có sự mâu thuẫn với nhau, bà D thường xuyên cãi vã và có những lời nói hỗn xược, xúc phạm ba mẹ chồng nên bị ba mẹ chồng đánh, từ đó vợ chồng sống không có hạnh phúc. Bà D bỏ con lại cho ông nuôi để về nhà mẹ ruột sống từ tháng 10/2016 cho đến nay. Ông cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà D không đồng ý trở về chung sống. Với yêu cầu ly hôn của bà D ông cũng đồng ý vì mâu thuẫn đã hết sức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Phước Phạm N, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Ngân T, sinh ngày 11/01/2015. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Phước Hồng H đồng ý ly hôn, đồng thời giữ nguyên yêu cầu được nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Lê Phước Hồng H có nơi cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Căn cứ “Giấy chứng nhận kết hôn” số 123 quyền số 01 ngày 25/11/2009 do UBND Phường 3, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà D và ông H là hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn: xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đương sự là thực sự trầm trọng, kéo dài mà không thể tự giải quyết được, các đương sự đã sống ly thân nhau và đều xác định không còn khả năng hàn gắn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà D và ông H thực sự tự nguyện ly hôn, xét việc thỏa thuận ly hôn giữa các bên đương sự là không trái với pháp luật, nên công nhận.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Phước Phạm N, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Ngân T, sinh ngày 11/01/2015.

Xét các đương sự đều có việc làm, có thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên việc giao con cho bên nào nuôi phải căn cứ vào sự phát triển ổn định về mọi mặt của con chung và xét việc nuôi con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha và mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và xét con chung tên Lê Ngân T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ để đảm bảo sự phát triển tốt nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho bà D nuôi dưỡng trẻ Lê Ngân T, giao con chung tên Lê Phước Phạm N cho ông H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: bà D phải chịu theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Lê Phước Hồng H.

Tuyên xử:

1. Về con chung: có 02 con chung tên Lê Phước Phạm N, sinh ngày 30/3/2012 và Lê Ngân T, sinh ngày 11/01/2015.

- Bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Lê Ngân T cho đến tuổi thành niên.

- Ông H có nghĩa vụ giao trẻ Lê Ngân T cho bà D để bà D thực hiện quyền và nghĩa vụ nuôi con.

- Ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Lê Phước Phạm N cho đến tuổi thành niên.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà D và ông H không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

- Các đương sự đều có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của trẻ, việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

2. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008062 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà D đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- Chi cục THA.DS Q.TB;
- UBND Phường 3, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Phúc